TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh P

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-10-2019
V/v: Ly hôn, giao con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Học

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng

Ông Nguyễn Chí Vương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 260/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc "Ly hôn, giao con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 30/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Hoàng Thị Tuyết M, sinh năm 1996;

Trú tại: Tổ 11, ấp H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn T, sinh năm 1993;

Nơi cư trú: Tổ 07, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 5 năm 2019, bản tự khai và trước khi mở phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị Tuyết M trình bày:

Chị Hoàng Thị Tuyết M và anh Trần Văn T sau thời gian tìm hiểu tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2011, đến năm 2016 vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước, theo giấy chứng nhận kết hôn số

57, cấp ngày 29/7/2016; được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới; sau khi kết hôn chị M và anh T sinh sống tại tổ 07, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước cho đến nay; vợ chồng chung sống hạnh P được 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống và vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, ngoài ra anh T có sử dụng ma túy và hay đánh đập vợ nên vợ chồng không có hạnh P, đến tháng 5/2019 vợ chồng sống ly thân nhau, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm gì đến nhau; xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên chị Hoàng Thị Tuyết M yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên: Hoàng Gia B, sinh ngày: 29/02/2012 và Trần Hoàng P, sinh ngày: 24/7/2016, nay ly hôn chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 người con chung cháu B và cháu P, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của anh Trần Văn T ngày 09/8/2019 trình bày:

Anh T và chị M đã chung sống với nhau vào 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống hạnh P đến năm 2019 thì anh T và chị M phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không hiểu nhau, không tìm được tiếng nói chung trong vấn đề trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng hay cãi vã nhau, đến đầu năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị M yêu cầu xin ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị M.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên: Hoàng Gia B, sinh ngày: 29/02/2012 và Trần Hoàng P, sinh ngày: 24/7/2016, nay ly hôn thì anh T đồng ý giao 02 con chung cháu B và cháu P cho chị M nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh T đang tạm giam nên không thể ra Tòa tham gia phiên tòa nên yêu cầu được giải quyết vắng mặt.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử

đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự và các thành phần tham gia tố tụng khác đúng theo quy định và đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình tố tụng; do nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của đương sự tại phiên tòa xác định: chị Hoàng Thị Tuyết M và anh Trần Văn T mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, thường xuyên cãi vã nhau, quá trình giải quyết nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất toàn bộ nội dung vụ án tuy nhiên do các đương sự vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị M và anh T cho chị M được ly hôn với anh T.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, giao 02 con chung cháu Hoàng Gia B, sinh ngày: 29/02/2012 và Trần Hoàng P, sinh ngày: 24/7/2016 cho chị Hoàng Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Hoàng Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T, anh T có nơi cư trú tại tổ 07, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T có đơn yêu cầu vắng mặt các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải; quá trình giải quyết chị M và anh T yêu cầu xét xử vắng mặt anh T và chị M. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị M và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Tuyết M và anh Trần Văn T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau năm 2011 đến năm 2016 thì chị M, anh T mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định tại điều 9 và điều 11 của Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2000. Do anh T và chị M có đơn yêu cầu Toà án hoà giải, xét xử vắng mặt nên Toà án phải mở phiên toà xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị M và anh T kéo dài và thường xuyên cãi vã lẫn nhau, nguyên nhân là do các đương sự trình bày bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống nên anh T và chị M đã ly thân nhau; sau khi thụ lý vụ án tòa án đã tiến hành triệu tập để các đương sự đến tòa án để hòa giải đoàn tụ gia đình nhưng anh T không tham gia mà có đơn xin vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay chị M và anh T cũng xin vắng mặt. Từ những căn cứ trên xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị M đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; trong quá trình giải quyết anh T cũng đồng ý ly hôn như yêu cầu của chị M nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên: Hoàng Gia B, sinh ngày: 29/02/2012 và Trần Hoàng P, sinh ngày: 24/7/2016, nay ly hôn chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung cháu B và cháu P, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; yêu cầu này cũng được anh T đồng ý nên cần ghi nhận và cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung chưa thành niên.

[3] Về cấp đưỡng: chị M và anh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 207 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Hoàng Thị Tuyết M

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Hoàng Thị Tuyết M và anh Trần Văn T. Chị Hoàng Thị Tuyết M được ly hôn với anh Trần Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 56, cấp ngày 29/7/2016, do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước cấp không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự:

Giao con chung Hoàng Gia B, sinh ngày: 29/02/2012 và Trần Hoàng P, sinh ngày: 24/7/2016 cho chị Hoàng Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị Tuyết M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 005434 ngày 04/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H. Hớn Quản
- Chi cục THADS H. Hớn Quản;
- Đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã Ký)
Nguyễn Đình Học